

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST .

Ngày: 29/01/2018

V/v: “ *Tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Hương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Ngọc Lợi**

2. Bà **Dư Mỹ Linh**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Phan Đình Nguyên** – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Trương Hồng Diễm** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 318/2017/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Thị T** - Sinh năm: 1995 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp 8, xã V, huyện V, tỉnh H.

Bị đơn: Anh **Kim R** - Sinh năm: 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2017 và tại phiên Tòa, nguyên đơn chị **Thị T** trình bày: Chị và anh **R** tự tìm hiểu quen biết trước và tự nguyện đi đến kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã **T** chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh **R** cờ bạc và không quan tâm vợ con. Mặc dù chị có khuyên ngăn nhưng anh **R** không sửa đổi và còn nói sẽ không sửa đổi, nếu không sống được thì ly hôn. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, vợ chồng bắt đầu ly thân từ tháng 10 năm 2016 al. Xét thấy vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên chị yêu cầu ly hôn với anh **R**. Về con chung: Chị **T** xác định có một con chung tên **Kim Danh T** – Sinh ngày 25/3/2014. Khoảng thời gian trước, cháu **T** sống với chị nhưng vào ngày 31/7/2017 anh **R** đã sang nhà đưa con về chăm sóc cho đến nay. Nay chị yêu cầu anh **R** giao con lại cho chị nuôi, không yêu cầu anh **R** cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/11/2017 và tại phiên Tòa, bị đơn anh Kim R trình bày: Anh thống nhất với lời khai của chị T về hôn nhân, con chung là đúng. Nhưng anh không đồng ý về mâu thuẫn vợ chồng. Anh thừa nhận trước đây anh có chơi cờ bạc nhưng chỉ vào những dịp lễ hoặc đám tiệc gặp bạn bè giải trí cho vui, hiện anh đã từ bỏ. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do chị T có ý định đi thành phố Hồ Chí Minh để làm, anh không đồng ý vì bản thân anh là con út nên phải ở nhà để lo chuyện trong ngoài. Vì vậy, chị T lấy lý do trên bỏ về nhà cha mẹ ruột chơi rồi bỏ lên thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi chị T bỏ đi, anh đã nhiều lần liên lạc qua điện thoại để kêu chị T trở về nhưng chị T không đồng ý mà còn thách thức. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì xét thấy còn tình cảm với chị T. Nhưng nếu chị T kiên quyết anh cũng đồng ý. Đối với con Kim Danh T hiện đang sống cùng anh. Anh thừa nhận trong khoảng thời gian trước đây chị T bỏ đi, cháu sống với mẹ nhưng chị T không trực tiếp chăm sóc con mà gửi con cho ông bà ngoại. Khi anh đến thăm con và có yêu cầu giành lại cháu T để chăm sóc thì cha mẹ chị T không đồng ý. Đến khi cháu mắc bệnh viêm đường ruột đi tiêu ra máu thì anh mới đưa được cháu đi bác sĩ và nuôi dưỡng cháu T cho đến nay. Đồng thời trong thời gian này, anh có gọi cho chị T để báo lại tình trạng bệnh tình và hỏi về thẻ bảo hiểm y tế của con nhưng chị T cho rằng đừng làm phiền và không quan tâm về bệnh tình của con. Mặc khác, thời điểm đầu tháng 01 năm 2018, cháu phải nhập viện và tiến hành phẫu thuật, anh cũng tìm cách thông báo cho chị T biết nhưng chị T cũng không đến thăm nom chăm sóc cho con. Nay xét thấy chị T là người thiếu trách nhiệm với con cái nên anh không đồng ý giao con, anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung: Anh thống nhất, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn chị Thị T trình bày: Chị thừa nhận trong thời gian chị đi làm có gửi cháu lại cho bà ngoại, lâu lâu về thăm cháu, chị cũng biết bệnh tình của cháu và có kêu bà mua thuốc về cho cháu uống và đưa đi khám bác sĩ nhưng bệnh tình vẫn không thuyên giảm. Trong thời gian đang điều trị thì anh R đã tự ý đưa cháu về. Do tức giận trước việc làm của anh R nên khi anh R gọi báo lại tình trạng bệnh của cháu và hỏi về thẻ bảo hiểm, nhất thời chị có buông lời khó nghe. Còn việc cháu nhập viện phẫu thuật chị có biết tin nhưng vì chị không muốn gặp anh R, nghĩ anh R nói dối nhằm đem con ra gây sức ép buộc chị phải trở về chung sống.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Chị T và anh R tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh chị đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 10 năm 2016 al cho đến nay. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh R đã đến mức trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T

+ Về con chung: Chị T và anh R cùng tranh chấp quyền nuôi con. Tuy nhiên, xét về điều kiện nuôi con cho thấy mặc dù anh R là cha, việc chăm sóc con không tốt bằng mẹ nhưng trong quá trình cháu Kim T sống với chị T, chị không chăm sóc cháu được chu đáo, bản thân chị không ở nhà trực tiếp nuôi dưỡng cháu mà giao cháu T cho ông bà ngoại nuôi. Ngoài ra, xét về điều kiện kinh tế, chị T có công việc không ổn định, không có hợp đồng lao động. Do đặc thù công việc chị phải thường xuyên ở lại nhà chủ. Còn anh R mặc dù là đàn ông, khi con bệnh anh đó quan tâm chăm sóc và hiện đã điều trị bệnh cho con xong, công việc làm cũng gần nhà mức lương cũng tương đối nên có thời gian gần gũi, chăm sóc con hơn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử, giao cháu Kim Danh T cho anh R tiếp tục nuôi dưỡng.

+ Về tài sản và nợ chung: Chị T, anh R tự thỏa thuận nên đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị T khởi kiện xin ly hôn với anh R và tranh chấp quyền nuôi con nên đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình – xin ly hôn và nuôi con chung được quy định tại khoản 01 – Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh R, Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa anh chị đó phát sinh mâu thuẫn được anh chị xác nhận. Mặc dù, nguyên nhân mâu thuẫn theo trình bày của chị T và anh R không thống nhất với nhau. Chị T cho rằng anh R cờ bạc, thiếu trách nhiệm với gia đình. Còn anh R khẳng định do chị T có nhu cầu đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh anh không đồng ý. Tuy nhiên, tất cả các nguyên nhân trên đều làm cho mâu thuẫn vợ chồng anh chị đến mức trầm trọng. Anh chị đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 10 năm 2016 al cho đến nay. Và trong suốt thời gian qua, anh chị cũng không tìm cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà bỏ mặc nhau không quan tâm. Từ đó cho thấy anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị T yêu cầu ly hôn với anh R là phù hợp với quy định tại khoản 01 – Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh R.

Về con chung: Chị T và anh R cùng xác định anh chị có với nhau 01 con chung tên Kim Danh T – Sinh ngày 25/3/2014; Hiện cháu T đang sống với anh R. Chị T yêu cầu anh R giao con cho chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh R cấp dưỡng. Trái lại anh R không đồng ý, vì anh cho rằng chị T là người thiếu trách nhiệm đối với con cái. Xét yêu cầu được quyền nuôi con của chị T và anh R, Hội đồng xét xử thấy rằng con cái rất cần sự chăm sóc của cha mẹ từ lúc sinh ra đến khi trưởng thành và hơn hết sự trực tiếp chăm sóc, dạy dỗ của người mẹ để đứa bé được phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần. Nhưng trái lại chị T không thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của mình đối với con cái. Việc cháu T mắc căn bệnh có thể nguy hiểm đến tính mạng nhưng chị T không quan tâm, thăm hỏi trong

thời gian con điều trị mà chỉ biết tìm cách giải thoát bản thân. Do đó, việc chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con là không có cơ sở để chấp nhận. Trái lại, anh R là cha, khi phát hiện bệnh tình của cháu T anh đã nhanh chóng tìm cách đưa cháu đi chữa trị và hiện sức khỏe của cháu đã ổn định. Ngoài ra, theo sự xác nhận của cơ sở nơi anh R đang làm việc thì thu nhập từ lương hàng tháng của anh là 6.000.000 đồng, công việc gần nhà đảm bảo thời gian anh chăm sóc, dạy dỗ con hơn. Từ đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho anh R trực tiếp nuôi dưỡng. Do anh R không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con và xét về điều kiện kinh tế của anh R đảm bảo nuôi con nên Hội đồng xét xử thống nhất không buộc chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh R thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3]Về án phí: Áp dụng khoản 4 - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đó nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 8236 ngày 09/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Khoản 1 - Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử chấp nhận cho chị Thị T được ly hôn với anh Kim R.

2. Về con chung: Áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao cháu Kim Danh T – Sinh ngày 25/3/2014 cho anh R trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung.

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 4 - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a - Khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí. Án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 8236 ngày 09/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Bảo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 29/01/2018).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**